

Truyền thuyết về họ Hồng Bàng

ISSN: 2734-9195 08:55 12/09/2026

Nguyễn Phúc Ánh là con thứ ba Nguyễn Phúc Luân sau khi diệt được Tây Sơn nhờ cầu viện Pháp Quốc lên ngôi Hoàng Đế. Đặt niên hiệu Gia Long vào tháng 5 năm Nhâm Tuất 1802. Đặt tên nước là Nam Việt, nhưng năm 1804 đổi thành Việt Nam.

THAY LỜI TỰA

Kính thưa quý độc giả:

Văn hóa là vẻ đẹp gồm hai hệ trạng:

1. Là do thiên tạo.

2. Là do nhân tạo.

Hiện tượng của văn hóa gồm hai hình thức:

1. Là duy vật biện chứng pháp (hình ảnh hữu thể).

2. Là duy tâm thể giới siêu linh (hình ảnh vô thể).

Nền văn hóa của đất nước Việt Nam chúng ta rất đa dạng, phong phú, hàm súc thiên tạo và nhân tạo, hữu thể và vô thể, cũng như duy vật và duy tâm.

Qua tình cảm thân thương của giống dân Họ Hồng Bàng Lạc Việt da vàng máu đỏ, biểu tượng Cha Lạc Long Quân Mẹ Âu Cơ để ra bọc 100 trứng lưu lại đến ngày nay và mãi mãi về sau.

Với truyền thống quý báu cao đẹp của nền văn hóa Việt Nam cần lưu trữ điều tốt, những gì xấu cần chừa bỏ!.

Nơi đây vì một đại sự nhân duyên hiếm có! Đất nước chúng ta đang chuyển mình tiến tới xây dựng công nghiệp hóa hiện đại hóa, tạo môi trường sống bền vững hòa bình hạnh phúc, tiến tới thái bình thịnh trị lâu dài cho toàn dân. Vì hạnh nguyện lợi tha hoằng truyền chính pháp của ba đời chư Phật. Vì sứ mạng

tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự.

Quyển sách nhỏ này được cho ra đời, vì lòng từ bi nhân ái, nói lên sự thật của nền văn hóa nước nhà, cũng như văn hóa của ba đời chư Phật, chư Tổ Sư thừa truyền tùy duyên hóa chúng độ sinh, xây dựng tình đoàn kết đạo đời gắn bó, hướng tới tương lai giải thoát mọi đau khổ trong cuộc đời, chớ không vì ích kỷ tham danh đắm lợi ảo huyền gây sự mâu thuẫn chia rẽ tình cốt nhục Linh Sơn, hoặc truyền thống văn hóa của cha ông từ ngàn xưa để lại.

“Thuốc đắng dã tật, lời thật trái tai”, có gì sơ sót ngưỡng mong liệt quý vị bỏ qua cho, và xin ý kiến đóng góp để lần tái bản sau tu sửa được hoàn chỉnh hơn.

Kính chúc tất cả quý độc giả an lạc và hạnh phúc.

Thiền sư An Lạc Hạnh

Cẩn bút

THEO DÒNG LỊCH SỬ: TRUYỀN THUYẾT VỀ HỌ HỒNG BÀNG

TIẾNG TRỐNG ĐỀN HÙNG

Ngân vang tiếng trống đền Hùng

Tháng ba đã điểm mừng mười là đây

Hai ngàn mười một đủ đầy

Con rồng cháu phụng hiệp vầy lạc ca

Cao nguyên bãi biển chung nhà

Hương về Tổ ấm thuận hòa tộc kinh

Dâng hương tưởng nhớ thâm tình

Đức dầy Thánh Tổ khai sinh sơn hà

Văn Lang tiền sử quê ta

Việt Nam hiện tại nước nhà thanh hưng

Thủy chung giữ vẹn nhân luân

Gương lành Bác dạy tỏ bừng khắp nơi

Đạo đức trong sáng tuyệt vời

Văn hiến độc lập rạng ngời ánh quang

Văn học nghệ thuật soi đường

Văn hóa Lạc Việt Hồng Bàng vĩnh miên.

(Ngày giỗ Tổ mừng 10/03 Âm lịch)

Lịch Sử nước ta ghi rằng: Họ làm Vua nước ta đầu tiên là họ Hồng Bàng, họ ấy là con cháu Vua Thần Nông bên Tàu, được phong sang làm Vua ở phương Nam, Ông Vua thứ nhất là Kinh Dương Vương.

*** Đời thứ 1:** Kinh Dương Vương tên là Lộc Tục làm Vua nước Xích Quỷ, sau lấy Long Nữ con gái của Động Đình Quân là Thần Long ở Động Đình Hồ, sinh ra Sùng Lãm. Sau truyền ngôi cho Sùng Lãm, tức là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ là con gái của Vua Đế Lai một nước láng giềng sinh ra 100 trứng, nở ra 100 người con trai.

Lạc Long Quân truyền ngôi cho con trai trưởng lấy hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là VĂN LANG. Chỉ gồm có Bắc Việt và ba tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

Vua Hùng Vương truyền có 18 đời: 2.879 trước Công nguyên, đến năm 258 trước Công nguyên, tính ra trị vì 2622 năm?

KINH DƯƠNG VƯƠNG

Dân ta nguồn gốc Lạc Hồng

Kinh Dương thứ nhất khai dòng cháu con

Nước tên Xích Quỷ vương tròn

Lộc Tục là Chúa núi non du nhàn

Thanh sơn cảnh vắng mơ màng

Tướng chùng lạc cảnh Thiên Đàng hương hoa

Đình Hồ Động gặp nàng ta

Tự xưng Long nữ tựa mà như tiên

Trăm năm kết mối tơ duyên

Tâm đầu ý hợp gắn liền phu thê

Long nữ tứ đức vẹn bề
Hình dung yếu diệu trăm huê sánh nào
Tướng đi nhàn nhã làm sao
Gió lay tà áo gấm bào trêu người
Môi son lúc nói lúc cười
Tựa hoa chớm nở người người khâm khen
Sản sinh Quý tử không hèn
Thế danh Sùng Lãm nhạc kèn trời vang
Tưng bừng Vua dọn trai tràng
Hoàng Thiên đảo cáo bình an nước nhà.
Sùng Lãm kế nghiệp vua cha
Lạc Long húy hiệu nước mà Văn Lang

18 ĐỜI VUA HÙNG

1. Lạc Vương Dương
2. Hùng Hiển Vương
3. Hùng Quốc Vương
4. Hùng Diệp Vương
5. Hùng Hy Vương
6. Hùng Huy Vương
7. Hùng Chiêu Vương
8. Hùng Vi Vương
9. Hùng Định Vương
10. Hùng Nghi Vương
11. Hùng Trịnh Vương

12. Hùng Vũ Vương
13. Hùng Việt Vương
14. Hùng Anh Vương
15. Hùng Triệu Vương
16. Hùng Tào Vương
17. Hùng Nghi Vương
18. Hùng Duệ Vương

VUA HÙNG

Vua Hùng Hiền Thánh ngàn xưa
Thương dân thương nước sớm trưa nhọc nhằn
Thứ ba Hùng Quốc như rằng
Ra đời kế nghiệp đạo hằng truyền ban
Phước lành phổ cập họ hàng
Dạy dân cày cấy mở đường sinh nhai
Sống sinh lạc nghiệp vui thay
Trau tâm sửa tính miệt mài trước sau
Sáng chiều trồng trọt hoa màu
Đức lành tự tại lâu lâu ánh trăng
Đêm ngày cặm cụi làm ăn
Thương yêu đoàn kết thường hằng giúp nhau
Trăm trứng sinh sản thai bào
Cùng là cốt nhục máu đào mà ra
Con Hồng cháu Lạc một nhà
Dưới trên hòa thuận mới ra con người.

Văn Lang tên nước rạng ngời

Trải qua mười tám nối đời Hùng Vương.

Đời Vua Hùng Vương thứ 6 có cậu bé 3 tuổi ở Làng Phù Đổng đuổi giặc Ân được sắc phong là Phù Đổng Thiên Vương.

PHÙ ĐỒNG THIÊN VƯƠNG

Vua Hùng thứ sáu con Trời

Hùng Huy huy thật ra đời chẳng sai

Loạn quân gian tặc hợp rày

Giặc Ân quấy nhiễu xa gần nước ta

Vua bèn sai viết hịch ra

Gọi người cứu nước vậy mà nơi đâu

Mau mau xuất hiện khẩn cầu

Cậu Bé ba tuổi bỗng râu có mình

Ngựa sắt roi sắt sẵn xin

Thêm vào giáp sắt quyết tình xung phong

Vua ban người đặt toại lòng

Ra trận chiến đấu lửa hồng ngựa phun

Đến đâu thắng đó uy hùng

Giặc tan Ngựa Bé phi vùng Sóc Sơn

Ngựa người biến mất thiệt hơn

Không còn dấu vết nguồn cơn trình tường

Vua Hùng cảm động lòng thương

Ban danh Phù Đổng Thiên Vương rỡ ràng.



Tượng Phù Đồ Thiên Vương, đền Sóc, Hà Nội. Ảnh: St

* **Đời thứ 2:** An Dương Vương (Thục Phán) đặt tên nước là Âu Lạc đóng đô ở Phong Khê (Phúc Yên) vào năm 257 trước Tây lịch (Tục truyền Vua Hùng Vương thứ 18 có con gái rất xinh đẹp, tên là Ngọc Hoa công Chúa. Vua nước Thục (giống Âu Việt) ở phía Bắc nước Văn Lang sang cầu hôn bị từ chối, trước khi chết dặn cháu là Thục Phán báo thù, thế là Thục Phán, đánh chiếm được Nước Văn Lang của Lạc Việt, đổi tên nước là Âu Lạc).

An Dương Vương trị vì 50 năm có một đời (có chỗ nói 30 năm. Từ năm 208 trước Công nguyên, đến năm 179 trước Công nguyên)

NGỌC HOA CÔNG CHÚA

Đời thứ mười tám Vua Hùng

Có con xinh đẹp tên là Ngọc Hoa

Công chúa tuổi xuân mận mà

Dáng đi yếu điệu thướt tha nhẹ nhàng

Trâm cài lược vắt xuê xang

Danh đồn tứ xứ dung nhan tuyệt trần

Thục Vương phía bắc cận lân

Cho người cưới hỏi tấn tần phu thê

Vua Hùng từ khước mọi bề
Thục Vương cầm hận chẳng hề nguôi ngoai
Cử quân sang đánh phá hoại
Đến khi sắp chết còn sai báo thù!
Thục Phán vâng chỉ bày mưu
Hùng Vương thất trận nhảy ùi quyền sinh
Giếng sâu Vua đã trầm mình
Văn Lang hóa cổ sự tình trở trêu
Âu Lạc tên nước đổi chiều
An Vương xây Cổ loa thành bảo an.

Đời An Dương Vương có nỏ Thần, bắn ra một phát giết hàng ngàn giặc nghịch, và có xây thành Cổ Loa (hình xoắn ốc) rất kiên cố, thuộc xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Tỉnh Phúc Yên. (Nay ở ngoại ô Hà Nội còn dấu tích).

Đời An Dương Vương nước Âu Lạc, là Nhà Tần Xứ Tàu.

*** Đời thứ 3:** Triệu Vũ Vương tên Triệu Đà, là một vị tướng Nhà Tần, chiếm cứ vùng lãnh Nam Trung Quốc, lập ra nước Nam Việt. Sau dùng kế hôn nhân, cho con trai là Trọng Thủy cưới Công Chúa My Châu con gái An Dương Vương làm vợ, gạt lấy nỏ Thần, đánh thắng nước Âu Lạc đặt hiệu nước là Nam Việt. Đóng đô ở (Phiên Ngung) Quảng Đông.

Nhà Triệu làm Vua được năm đời:

1. Vũ Vương.
2. Văn Vương,
3. Minh Vương,
4. Ai Vương và
5. Dương Vương.

(Đời nhà Triệu là Lưu Bang lập ra nhà Hán xứ Trung Quốc).

NỎ THẦN

An vương xưa có nỏ Thần
Kim Qui cho móng khi cần dùng binh
Móng này quả thật rất linh
Bắn ra một mũi giết tan vạn người
My Châu Công Chúa đẹp tươi
Triệu Đà mưu sĩ kết làm suôi gia
Trọng Thủy Công Chúa giao hòa
Nào ngờ Trọng Thủy gian tà chính ghê
Gạt vợ trộm lấy đem về
Tấn binh đoạt nước chẳng hề thương tâm
An Vương thúc thủ bị lầm
Chở nàng Công Chúa tránh tầm giặc hung
Lông ngỗng Công Chúa lại dùng
Rải theo đường xá báo cùng chống gian
Sông ngăn trước mặt hết đàng
An Dương ngửa mặt trách than đời cùng
Linh Thần mách bảo thủy chung
Sau lưng Bệ hạ giặc là My Châu
Tức giận rút gươm chặt đầu
Xô thân xuống giếng đoạn tình cha con
Nhảy sông tự vẫn vuông tròn
Nghìn năm bia tạc sử son lưu truyền.

NAM VIỆT MẤT TỰ TRỊ

Nước Nam Việt bị nhà Tây Hán đánh đổ, năm 111 trước Công nguyên, chấm dứt cuộc tự trị.

Tiền Hán hay Tây Hán khởi đầu là Lưu Bang, tồn tại từ năm 206 trước Công nguyên, đến năm thứ 8 sau Công nguyên. Hậu Hán hay Đông Hán. Khởi đầu là Lưu Tú (Hán Quang Vũ) tồn tại từ năm thứ 25 đến 220 sau Công nguyên.

Tây Hán hay Đông Hán đều coi nước ta là một bộ phận của Trung Quốc, và chia nước ta làm ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Cuối thế kỷ thứ II Nhà Đông Hán sụp đổ, Trung Quốc bước vào thời kỳ Tam Quốc: Thục Ngụy Ngô, nhà Ngô tiếp tục thống trị nước ta. Kế nhà Tấn thống trị nước ta từ năm 280 đến năm 420. Đến Nam triều gồm: Tống, Tề, Lương, Trần, tồn tại từ năm 420 đến 589. Tuy nhiên đó chỉ là danh nghĩa, và ở nước ta quyền thống trị của Nam Triều đã bị xóa bỏ từ năm 542, bởi cuộc khởi nghĩa do Lý Bôn lãnh đạo.

Năm 589 Nhà Tùy thống nhất được Trung Quốc. Năm 602 Tùy cho quân xâm lược nước ta, Lý Phật Tử chống không lại và thống trị nước ta từ 602 đến năm 618. Nhà Đường lật đổ nhà Tùy, thay nhà Tùy thống trị nước ta rất ác độc, đặt nước ta là An Nam đô hộ phủ, từ năm 618 đến năm 905.

Thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất: Dài 150 năm. Nghĩa là 111 trước tây lịch, đến 39 năm sau tây lịch. Chấm dứt nô lệ do cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng.

Bắc thuộc lần thứ hai: Dài hơn năm thế kỷ, từ tây lịch năm 43- đến 554 chấm dứt do cuộc khởi nghĩa của Lý Bôn chiến thắng Nhà Lương xứ Tàu.

Bắc thuộc lần thứ ba: Dài 366 năm từ tây lịch 602 đến 938 chấm dứt do cuộc khởi nghĩa của Ngô Quyền.

* **Đời thứ 4:** Năm 34 sau tây lịch Nhà Đông Hán sai Tô Định sang làm Thái thú Quận Giao Chỉ rất tàn ác. Có ông Thi Sách là con Lạc Tướng Huyện Châu Diên (nay thuộc Tỉnh Vĩnh Yên), mưu tính chống Quân Tàu bị Thái Thú Tô Định bắt giết. Trưng Trắc là con Lạc Tướng Mê Linh người Phong Châu, cùng em là Trưng Nhị thù Nhà nợ Nước khởi nghĩa chỉ thời gian ngắn; chiếm cứ 65 thành trì. Tô Định phải chạy về Tàu. Hai bà lên ngôi Vua, đóng đô ở Mê Linh vào năm 40 sau Tây lịch. Làm Vua chỉ 3 năm (40-43). Sau bị Mã Viện đánh bại và kể từ đây nước ta về Văn Hóa, lễ nghi, học thuật, nghệ thuật tôn giáo tín ngưỡng, chế độ gia tộc xã hội phần nhiều theo Trung Hoa.

Kế tiếp hai bà Trưng, có Bà Triệu Thị Trinh (Triệu Ẩu) khởi nghĩa ở Thanh Hóa chống Nhà Ngô được sáu tháng. Hy sinh cùng các nghĩa binh vào năm 248 tây lịch. Bà có biệt hiệu là Nhụy kiều tướng Quân, là Lệ Hải Bà Vương.

Nhắc lại sau khi Mã Viện đánh đổ được hai bà Trưng, lúc về Tàu cho dựng tại biên giới một cây cột đồng khắc sáu chữ: “Đồng trụ chiết Giao chỉ diệt”. Nghĩa cột đồng ngã, dân Giao chỉ mất nòi! Người dân xứ ta mỗi người đi qua lại đều bỏ

đá vào chân cột lâu ngày lấp mất trụ kia, hiện giờ không biết nơi nào.

HAI BÀ TRUNG

Nhà Đông Hán năm ba bốn (34) sau Tây lịch

Nước Nam Việt bị Đông Hán trị vì

Cảnh lệ nô giới trí giả tư duy

Phá kẹp kềm mới rạn vỡ tu mi

Ông Thi Sách Huyện Châu Diên nổi dậy

Con Lạc Tướng vừa mưu toan lộ tẩy

Bị quân thù Tô Định trước ra tay

Lũ gian tà dẫn lối thật buồn thay

Hại Thi sách chặt đầu người cứu nước

Bà Trưng Trắc cầm hờn quân bạo ngược

Cùng Nhị Trưng khởi nghĩa diệt tham quan

Cùng Sĩ binh đánh đuổi lũ hung tàn

Giành độc lập cứu dân lành thoát khổ

Được thắng trận bà lên ngôi cửu ngũ

Trưng Nữ Vương Đô đóng ở Mê Linh

Ngoài một năm Tàu Mã Viện tiến binh

Bà Thất trận Hát giang trầm tự ải.

Thật Quý hóa đáng anh thư Cổ đại

Nêu tấm gương oanh liệt cháu Vua Hùng

Lưu sử sinh nữ tử đồng soi chung

Muôn vạn thuở con Hồng cùng cháu Lạc.

BÀ TRIỆU ỬU

Nhắc qua Đông Ngô nước Tàu
Có tên Thử Sử đồng bào căm gan
Lục Dận hung hãn bạo tàn
Hại dân Nam Việt trăm ngàn đắng cay.
Huyện Nông Cống Thanh Hóa nay
Có Nàng Họ Triệu tên rày Thị Trinh
Vào rừng núi chiêu mã binh
Quyết tâm dẹp giặc chống kinh Tàu man
Anh là Quốc Đạt khuyên can
Em người phận gái hồng nhan yếu mềm
Lo chi việc nước khổ thêm
Phải sao chịu vậy cho êm cuộc đời
Thị Trinh tức giận bời bời
Thốt rằng anh chớ nữa lời cản ngăn
Thù này em quyết châm xăng
Lửa thiên đốt sạch mấy thằng ác gian
Cối cơn gió mạnh quét ngang
Dẹp làn sóng dữ cá tròng biển đông
Cứu dân thoát khỏi ách tròng
Xây nền độc lập thoát vòng lệ nô.
Thương thay liệt nữ mưu đồ
Cùng anh đuổi giặc thế cô giữa đường
Bại trận tự ải thảm thương
Dân tôn Lệ Hải Bà Vương chi Thần.

*** Đòì thứ 5:** Nhà tiền Lý Lý Nam Đế (Lý Bôn).

Người Huyện Thái Bình, Tỉnh Sơn Tây. Khởi nghĩa năm 541, đánh đuổi Nhà Lương (có chỗ nói năm Nhâm tuất 542) thành công năm 544, xưng đế hiệu là Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân sau truyền ngôi lại cho Triệu Quang Phục.

Lý Bôn khởi nghĩa diệt thù

Dựng nền độc lập, chỉnh tu nước nhà

Suốt hơn năm thế kỷ qua

Dân ta thống khổ thiết tha nỗi lòng

Hòa bình độc lập khắp vùng

Vạn Xuân tên đặt thủy chung vẹn toàn

*** Đòì thứ 6:** Triệu Việt Vương, cũng gọi là Dạ Trạch Vương (Triệu Quang Phục) được Lý Nam Đế truyền ngôi năm 549.

TIÊN ÔNG CHỦ ĐỒNG TỬ

Sử rằng Nhà Triệu nước ta

Bị Quân Lương ác vây mà đầm sâu

Dạ Trạch thúc thủ khẩn cầu

Thần minh giúp đỡ vượt hầu lưới binh

Tiên ông Đồng Tử thành linh

Trên mây ứng hiện sự tình báo ngay

Ta cho móng vuốt rồng này

Vắt trên mào nọ tấn binh giặc lùi

Về Trời ta vẫn chưa nguôi

Thương dân thương nước ngậm ngùi lắm phen

Triệu Quang Phục được lời khen

Biết tin Thần Thánh không hèn con Tiên.

Năm 571 Lý Phật Tử là cháu Lý Nam Đế tranh ngôi, đánh bại Triệu Việt Vương, tự lên ngôi xưng đế hiệu là Hậu Lý Nam Đế.

* **Đời thứ 7:** Hậu Lý Nam Đế (Lý Phật Tử cháu Lý Nam Đế đoạt ngôi Nhà Triệu năm 571), đến năm 602 Quân tàu kéo sang Lý Phật Tử đầu hàng, nước ta lệ thuộc tiếp.

* **Đời thứ 8:** Mai Hắc Đế (Mai Thúc Loan) người ở Hà Tĩnh. Năm 722 nổi lên chống nhà Đường tàn bạo, Ông chiếm cứ được đất Hoan Châu (Nghệ An) tự xưng làm Hoàng Đế. Sau Nhà Đường phản công, Ông bị thua và mất.

NÔ LỆ NHÀ ĐƯỜNG

Nhà Đường cai trị nước ta

Rất nên tàn ác như là Nhà Minh

Khiến nên dân chúng bất bình

Ủng hộ Hắc Đế vẹn tình quê hương

Người Làng Hà Tĩnh tỏ tường

Đứng lên dẹp giặc nan lương tử sinh

Xưng Đế rồi cũng bất thành

Thất binh bại trận phải đành mạng vong.

Sau cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan, tiếp tục năm 791 có Phùng Hưng ở Làng Đường Lâm, Phong Châu (Hà Tây) khởi lên đánh Phủ đô hộ, chiếm phủ thành, nhưng mấy tháng sau Ông mất, dân gian tôn là Bố Cái Đại Vương. Con Ông là Phùng An lên thay vì sức yếu nên đầu hàng nhà Đường.

Phùng Hưng người Huyện Phong Châu

Hà Tây Tĩnh lý khởi binh đoạt thành

Chiếm Phủ đô hộ nên danh

Nhưng rồi mạng số phải đành châu Thiên

Dân gian kính trọng sĩ hiền

Tôn là Bố Cái Đại Vương chi thần.

Năm 819-820, Dương Thanh đã phát động cuộc khởi nghĩa lớn giết được Lý Tượng Cổ là quan đô hộ Nhà Đường, sau bị cô lập và bị tru di tam tộc vào năm 820.

Than ôi nợ nước tình nhà

Dương Thanh chí sĩ lập ra binh hùng

Giết Lý Tượng Cổ quan hung

Bạo quân đô hộ khắp vùng Quận Châu

Về sau cô lập đối đầu

Ba đời bị giết nỗi sầu hồn thiêng

Nguyện cầu tất cả các miền

Hương linh uống tử cửa thiên tịnh tâm.

Khúc Thừa Dụ, quê quán Hồng Châu (Hải Hưng) năm 905 tự nổi lên lập bộ máy chính quyền độc lập và tự chủ cuối đời Đường nước Tàu. Khúc Thừa Dụ mất năm 907. Con là Khúc Hạo lên thay nhằm đời Hậu Lương được 10 năm là mất, tức năm (907- 917) con Khúc Hạo là Khúc Thừa Mỹ lên thay, đến năm 930 bị Vua Nam Hán bắt và đoạt đất Giao Châu.

Họ Khúc truyền được 3 đời trị vì 25 năm (905- 930).

Thừa Dụ Họ Khúc Hải Hưng

Quan Tàu nhưng khéo xoay chừng Nước Nam

Tạo nên độc lập luận đàm

Nhưng rồi lại mất, con kham việc nhà

Khúc Hạo tiếp tục thay cha

Cuối đời Đường Quốc đổi mà Hậu Lương

Nổi theo Nam Hán nhiều nhường

Bắt Khúc Thừa Mỹ cướp bường Giao Châu

Dân Nam tiếp tục dãi dầu

Sống đời nô lệ ưu sầu tử tế.

Dương Diên Nghệ đuổi giặc. (931-937)

Năm 931, một viên tướng cũ của Họ Khúc là Dương Diên Nghệ, nổi lên đánh đuổi quân Nam Hán. Năm 937 bị chết vì nha tướng là Kiều Công Tiễn làm phản.

Tướng Quân Diên Nghệ anh hùng

Ra binh đuổi giặc thủy chung một lòng

Nào ngờ kẻ hại non sông

Là phường đua nịnh phản công ngấm ngầm

Kiều Công Tiễn tướng độc thâm

Ra tay hãm hại ngoại xâm đầu hàng

Bao đời đất nước lấm than

Đều do bội quốc tham quan đứng đầu.

*** Đời thứ 9:** Ngô Vương (Ngô Quyền) 938-965. Người làng Đường Lâm, Huyện Phúc Thọ, Tỉnh Sơn Tây. Năm 938 khởi binh giết Kiều Công Tiễn và đánh thắng quân Nam Hán tại sông Bạch Đằng. Năm Kỷ Hợi 939 Ngô Quyền xưng Vương, đóng đô ở Cổ Loa, Phúc Yên chỉ 5 năm và mất vào năm 944. Thọ 46 tuổi.

Ngô Quyền chí khí ngất trời cao

Giết kẻ phản loạn cứu đồng bào

Công Tiễn tham quan nơ tiếng xấu

Nghìn thu còn thẹn có sai nào.

Ngô Quyền tài trí khó ai bì

Bạch Đằng dậy sóng diệt Ô Nhi

Thoát Hoan trốn chạy về Vương Quốc

Nam Hán từ nay hết dám khi

Độc lập nước Nam đặt khái hoàn

Tự do dân chủ sống vinh quang

Trời trong trắng sáng muôn sinh hưởng

Lạc nghiệp âu ca vạn nẻo đường.

Hậu Ngô Vương (Ngô Xương Ngập, Ngô Xương Vănh) 950 dẹp loạn Dương Tam Kha lập lại hậu Ngô đến 965 là hết. Bấy giờ sinh ra Thập Nhị Sứ Quân.

THẬP NHỊ SỨ QUÂN

1. Ngô Xương Xí.
2. Trần Lãm
3. Nguyễn Thủ Tiệp.
4. Lý Khuê.
5. Lã Đường
6. Phạm Bạch Hổ
7. Nguyễn Siêu
8. Nguyễn Khoan
9. Kiều Công Hãn
10. Kiều Thuận
11. Đỗ Cảnh Thạc
12. Ngô Nhật Khánh.

*** Đời thứ 10:** Đinh Tiên Hoàng (tên là Đinh Bộ Lĩnh) 968- 979. Người động Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình. Sau khi dẹp loạn Sứ Quân, lên ngôi vào năm 968, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư (Đời Nhà Đinh của Việt là Nhà Tống Trung Hoa).

Năm 979 Tiên Hoàng say rượu, bị Đỗ Thích giết. Đinh Tuệ là con út mới 06 tuổi lên ngôi kế Tiên Hoàng, Dương Văn Nga Thái Hậu giữ việc triều chính sau giao cho Lê Hoàn, bắt đầu sang Tiền Lê.

Nhà Đinh làm Vua được hai đời, trị vì 12 năm.

Cờ lao tập trận Đinh Tiên Hoàng

Đẹp loạn sứ quân đất nước an
Rượu say một phút đành vĩnh biệt
Bị kẻ gian thần tạo tóc tang.

Đỗ Thích loạn thần giết Đế Hoàng
Mong lòng oán nghịch chiếc ngai vàng
Nào hay mưu sự do người định
Thành tựu do Thiên luật khôn càn.

Đinh Tuệ lên ngôi sáu tuổi thơ
Việc nhà việc nước rối đường tơ
Đương đầu giặc nghịch ai quyết toán
Thập đạo Tướng Quân thuận Thiên cơ

Dương Thái Hậu Văn Nga Quyền bính
Lúc Quân thù Tống Quốc tràn sang
Đành giao quyền trao ấn Lê Hoàn
Và chấm dứt đời Đinh ngự trị

*** Đời thứ 11:** Lê Đại Hành (là Lê Hoàn) 981- 1005. Người Tỉnh Hà Nam làm Thập đạo tướng quân đời Nhà Đinh (nhằm Tống bên Tàu).

Lên ngôi năm 980, Hoàng Đế chết, Lê Long Việt lên thay ba ngày, bị em là Lê Long Đĩnh giết chết, Lê Long Đĩnh (Lê ngoại triều) tự lên ngôi làm Vua 4 năm và mất năm 1009.

Nhà tiền Lê trị vì ba đời, được 29 năm.

Lê Hoàn người Tỉnh Hà Nam

Đánh Tống dẹp loạn đáng người chỉ huy

Hai mươi chín năm trị vì
Lên ngôi cử ngũ thanh suy lễ thường
Ngọa triều gian ác bất lương
Đời ba kế nghiệp mê đường trắng hoa
Tiền Lê chấm dứt sang qua
Lý Công Huy sứ thay mà lo dân

* **Đời thứ 12:** Nhà hậu Lý: Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) lên ngôi năm 1010, đặt tên nước là Đại Việt. Thấy đất Hoa Lư chật hẹp, bèn dời về thành Đại La, lấy tên là Thăng Long (tức là Hà Nội hiện giờ).

Nhà hậu Lý có 9 đời kế truyền:

1. Lý Thái Tổ.1010-1028 (làm vua 19 năm thọ 55 tuổi)
2. Lý Thái Tông (Phật Mã Thái Tử) 1028-1054 (làm vua 26 năm thọ 55 tuổi)
3. Lý Thánh Tông 1054-1072 (làm vua 18 năm thọ 50 tuổi)
4. Lý Nhân Tông 1072-1127 (lên ngôi 7 tuổi, làm vua 56 năm thọ 62 tuổi)
5. Lý Thần Tông 1128-1138 (làm Vua 10 năm, thọ 23 tuổi).
6. Lý Anh Tông 1138-1175 (làm vua 37 năm, thọ 40 tuổi)
7. Lý Cao Tông làm vua 35 năm, thọ 38 tuổi.
8. Lý Huệ Tông làm vua 14 năm, thọ 33 tuổi.
9. Lý Chiêu Hoàng làm vua 2 năm thọ 62 tuổi..

(Đời Lý Nhân Tông có Lý Thường Kiệt đã viết lên lời thơ bất hủ: Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư...)

Lý Huệ Tông truyền ngôi cho Công Chúa mới 7 tuổi là Lý Chiêu Hoàng, Chiêu Hoàng giao ngôi cho chồng là Trần Cảnh mới 8 tuổi, nhà Hậu Lý mất nghiệp năm 1225.

Bảy tuổi làm Vua biết được gì!

Thôi đành giao lại đấng nam nhi

Chiêu Hoàng Công Chúa trao ngọc ấn

Trần Cảnh chống yêu giữ môn qui

Họ Lý tám đời đế nghiệp quyền

Vô thường lại đến dứt nhơn duyên

Đời Trần tiếp tục lên thừa kế

Quản đất Nam Bang của Tổ Tiên.

* **Đời thứ 13:** Nhà Trần: 1225-1400.

Truyền được 13 đời. Trị vì 175 năm.

1. Trần Thái Tông (Trần Cảnh) Nguyên quán làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường nay là tỉnh Nam Định)

2. Trần Thánh Tông (Trần Hoảng)

3. Trần Nhân Tông (Trần Khâm)

4. Trần Anh Tông (Trần Thuyên)

5. Trần Minh Tông (Trần Mạnh)

6. Trần Hiến Tông 1329-1341 (Trần Vượng)

7. Trần Dụ Tông (Trần Hạo)

8. Trần Nhật Lễ (Dương Nhật Lễ)

9. Trần Nghệ Tông (Trần Phủ)

10. Trần Duệ Tông (Trần Kính)

11. Trần Đế Hiến (Trần Phế Đế, Trần Hiện)

12. Trần Thuận Tông (Trần Ngung)

13. Trần Thiếu Đế (Trần An) lên ngôi 3 tuổi bị Lê Quý Ly đoạt ngôi, nhà Trần mất nghiệp.

Ba tuổi lên ngôi cũng nực cười!

Trần An thiếu đế tuổi đôi mươi

Nào ngờ bé bỏng còn hôi sữa

Quý Ly đoạt ngôi cũng là vừa.

*** Đời thứ 14:** Nhà Hồ 1400-1407.

Hồ Quý Ly (Lê Quý Ly) đoạt ngôi nhà Trần năm 1400, đặt Kinh Thành ở Tây Đô (Thanh Hóa), sửa Quốc hiệu là Đại Ngu. Sau đó truyền ngôi cho con thứ là Hồ Hán Thương. Cuối cùng bị Nhà Minh bắt giết vào năm 1407. Nhà Hồ trị vì 7 năm, truyền được hai đời:

1. Hồ Quý Ly.

2. Hồ Hán Thương.

Nhà Hồ trị nướcặng hai đời

Quốc hiệu Đại Ngu cũng rạng ngời

Tàu tặc dẫn quân sang tiếm đoạt

Hán Thương Hồ nghiệp phải đổi dời

*** Đời thứ 15:** Nhà Hậu Trần 1409-1413.

Trần Quý con thứ Vua Trần Nghệ Tông nổi lên xưng là Giản Định Đế chống lại Nhà Minh từ năm 1407-1409, kế Trần Quý Khoách cháu Vua Nghệ Tông xưng là Vua Trùng Quang.

Hậu Trần quật khởi chống Quân Minh

Trần Quý xưng Vương chẳng lạ gì

Định Đế diệt thù toan phục nghiệp

Sau đành thúc thủ chẳng nên chi

Trần Quý Khoách là cháu Nghệ Tông

Nổi lên xưng bá giữ nòi rồng

Trùng Quang bảo quốc noi Tiên Tổ

Nhưng chẳng nên trờ bị diệt vong.

*** Đời thứ 16:** Nhà Hậu Lê (Lê Lợi) 1428-1527.

Lê Thái Tổ (Lê Lợi) gốc nông dân khởi nghĩa ở Lam Sơn tự xưng là Bình Định Vương, 10 năm chống quân Minh. Năm 1428 Bình Định Vương lên ngôi lấy hiệu là Thái Tổ, đặt tên nước là Đại Việt, đóng đô ở Thăng Long.

Nhà Hậu Lê truyền được 11 đời, trị vì 100 năm.

Lê Lợi mười năm chống giặc Minh

Lam sơn áo vải dụng hùng binh

Thần như giúp sức nên công khó

Gươm báu đoạt thành đơm nghĩa tình

Bình Định Vương anh hùng lập Quốc

Đời mười một sơ thất lâm nguy

Lê Cung Hoàng kế thế mê si

Phải mất nghiệp về tay họ Mạc.

1. Lê Thái Tổ (Lê Lợi).

2. Lê Thái Tông (Lê Nguyên Long).

3. Lê Nhân Tông (Lê Bang Cơ).

4. Lê Nghi Dân.

5. Lê Thánh Tông (Lê Tư Thành hoặc Lê Uy Mục).

6. Lê Hiến Tông (Lê Tranh còn gọi Lê Huy).

7. Lê Túc Tông (Lê Thuần)

8. Lê Uy Mục (Lê Tuấn còn gọi Lê Huyền).

9. Lê Tương Dực (Lê Oanh còn gọi Lê Oánh)

10. Lê Chiêu Tông. (Lê Y còn gọi Lê Huệ).

11. Lê Cung Hoàng (Lê Xuân còn gọi Lê Khánh).

LÊ LAI CỨU CHÚA

Mười năm đánh phá quân Minh

Khi thắng lúc giáng sự tình trở trêu

Lê Lợi khởi nghĩa danh nêu

Anh hùng áo vải là điều đáng khen

Thương dân thương nước không hèn

Lam Sơn (Thanh Hóa) khởi nghĩa trống kèn reo vang

Giặc binh trùng điệp kéo sang

Bao vây vào giữa khó dàng thoát thân

Lê Lai tướng giống bội phần

Liều mình cứu chúa vàng cân khó bì.

Lê Lợi phục nghiệp một khi

Xưng Vương Bình Định thay Trời trị dân.

*** Đời thứ 17:** Nhà Mạc 1527-1592.

Mạc Đăng Dung lên ngôi làm Vua, đặt niên hiệu là Minh Đức. Trị vì 65 năm truyền được năm đời.

1. Mạc Đăng Dung.

2. Mạc Đăng Doanh.

3. Mạc Phúc Hải.

4. Mạc Phúc Nguyên.

5. Mạc Mậu Hợp.

Họ Mạc tham quyền đoạt tiến ngôi

Lê dân đại loạn chẳng nên lời

Đăng Dung Vương vị niên Minh Đức

Truyền nối cháu con được ngũ đời.

Con cháu Nhà Mạc bị Chúa Trịnh Tùng phục hưng nhà Lê, thua chạy lên mạn Cao Bằng, nhờ thế lực Nhà Minh bên Tàu, làm Vua được 3 đời nữa, đến năm 1667 mới dứt.

CHỮ QUỐC NGỮ ĐẦU TIÊN

Đời Vua Lê Thần Tông (Chúa Trịnh miền Bắc) có Ông Cố đạo Gia Tô người Pháp A-lét-xăng đờ-rốt hợp tác người Việt lấy mẫu tự la tinh sáng lập ra chữ Quốc ngữ nước ta đầu tiên.

*** Đời thứ 18:** Trịnh Nguyễn phân tranh.

Nguyễn Kim tìm con út của Vua Lê Chiêu Tông là Duy Ninh lập lên làm Vua tức là Trang Tông. Từ đó nước ta chia ra làm hai, từ Thanh Hóa trở vào thuộc Nhà Lê Nam triều. Từ Sơn Nam trở ra thuộc Mạc tức Bắc triều. Vua Trang Tông chết kế là Trung Tông, Anh Tông và Thế Tông. Tuy Nhà Lê được trung hưng nhưng chỉ có hư vị. Nguyễn Kim chết giao quyền cho Trịnh Kiểm, Trịnh Kiểm chết Trịnh Tùng thay cha, tự xưng làm chúa cha truyền con nối miền Bắc, gọi là đảng ngoài được 216 năm (1570-1786).

Con người vì bả lợi danh

Quên tình cốt nhục nở đành hại nhau

Lây lan khắp cả đồng bào

Thần sầu quỷ khóc máu đào tuông rơi

Mây sầu che án bầu trời

Khói đen phủ lấp cuộc đời thế nhân

Sông Gianh biên giới chia phân

Trịnh Nguyễn hùng cứ người thân hóa thù

Trước sau cũng bởi thiếu tu

Tham quyền cố vị nghìn thu bia truyền.

Họ Nguyễn khởi từ Nguyễn Hoàng làm chúa ở Miền Nam gọi là đảng trong.

Trịnh Nguyễn đánh nhau 45 năm không ai thắng ai, mới lấy Sông gianh làm ranh giới năm 1672, hòa bình được 100 năm cho đến Tây Sơn khởi nghĩa.

Họ Trịnh mất nghiệp Chúa, Nhà Lê mất ngôi. Chúa Trịnh truyền được 12 đời:

1. Trịnh Kiểm.
2. Trịnh Tùng.
3. Trịnh Tráng
4. Trịnh Tạc
5. Trịnh Căn
6. Trịnh Cương.
7. Trịnh Giang
8. Trịnh Doanh
9. Trịnh Sâm.
10. Trịnh Cán.
11. Trịnh Khải
12. Trịnh Bồng.

Chúa Nguyễn đăng trong gồm có:

1. Nguyễn Hoàng (Chúa Tiên) 1600-1613.
2. Nguyễn Phúc Nguyên (Chúa Sãi cũng gọi là Chúa Phật) 1613-1635.
3. Nguyễn Phúc Lang (Chúa Thượng) 1635-1648.
4. Nguyễn Phúc Tần (Chúa Hiền) 1648-1687.
5. Nguyễn Phúc Trăn (Chúa Nghĩa) 1687-1691.
6. Nguyễn Phúc Chu (Chúa Quốc) 1691-1725
7. Nguyễn Phúc Thụ (Ninh Vương) 1725-1738.
8. Nguyễn Phúc Khoát (Vũ Vương) 1738-1765.
9. Nguyễn Phúc Thuần (Định Vương) 1765-1777.

*** Đời thứ 19:** Tây Sơn khởi nghĩa 1771, gốc người Bình Định.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng đế, đặt niên hiệu là Thái Đức, đóng đô ở Đồ Bàn. (Nguyễn Nhạc có 3 anh em là: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ). Huệ được Anh phong làm Bắc Bình Vương trấn đất Thuận Hóa. Nguyễn Huệ diệt được Chúa Trịnh. Vua Lê Hiến Tông phong làm Nguyên Soái và gả Ngọc Hân Công Chúa, Hiến Tông mất Lê Chiêu Thống nổi ngôi rước Mãn Thanh dày mả tổ. Chiêu Thống tàn bạo mất ngôi vào năm 1788.

Xứ Bình Định Tây Sơn khởi nghĩa

Diệt đảng ngoài, dẹp phá đảng trong

Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ rắc ròn

Đấng cứu nước vang danh muôn thuở

Đuổi Thanh Mãn hung tàn tráo trở

Phục nghiệp Lê sau trước hài hòa

Được sắc phong Phò Mã kiệu hoa

Cùng Công Chúa Ngọc Hân duyên kết.

*** Đời thứ 20:** Gia Long Hoàng Đế (Nguyễn Phúc Ánh)

Nguyễn Phúc Ánh là con thứ ba Nguyễn Phúc Luân sau khi diệt được Tây Sơn nhờ cầu viện Pháp Quốc lên ngôi Hoàng Đế. Đặt niên hiệu Gia Long vào tháng 5 năm Nhâm Tuất 1802. Đặt tên nước là Nam Việt, nhưng năm 1804 đổi thành Việt Nam, ta có Quốc hiệu Việt Nam kể từ đó. Đến đời Minh Mạng đổi gọi là Đại Nam, trên thực tế thông dụng hơn cả vẫn là Việt Nam.

Nguyễn Phúc Ánh phục hưng Tổ nghiệp

Nhờ ngoại cầu Pháp Quốc trợ binh

Diệt Tây Sơn mất cả nhân tình

Đày Phi Yến đoạn sinh tử Cải

Lập Nam Việt mười ba triều đại

Bị Lê Dương tước đoạt quyền hành

Suốt một đời mang tiếng sử sinh

Người rước giặc về giày mả Tổ.

Nhà Nguyễn truyền được 13 đời, trị vì 143 năm.

1. Gia Long (Nguyễn Phúc Ánh) 1802-1819.
2. Minh Mệnh 1820-1840.
3. Thiệu Trị 1841-1847.
4. Tự Đức 1848-1883.
5. Dục Đức 3 ngày.
6. Hiệp Hòa tháng 6-1883-tháng 11-1883.
7. Kiến Phúc tháng 12-1883- tháng 8-1884.
8. Hàm Nghi tháng 8-1884- tháng 8-1885.
9. Đồng Khánh tháng 10-1885- tháng 12-1888.
10. Thành Thái tháng 1-1889- tháng 7-1907.
11. Duy Tân 1907-1916;
12. Khải Định 1916-1925.
13. Bảo Đại 1925 -1945.

Nhắc lại kể từ khi người Pháp đặt chân vào đất nước Việt Nam, thời văn hóa của người Pháp cũng bắt đầu phổ cập ở Việt Nam. Năm 1802-1884 Nhà Nguyễn vẫn còn tư cách một Vương triều độc lập. Và kể từ năm 1884 - 1945 hoàn toàn mất chủ quyền vì bị Pháp Quốc xâm lược đô hộ.

*** Đời thứ 21:** Năm 1929-1975- 2010...

Nguyễn Sinh Cung (Chủ tịch Hồ Chí Minh) sinh năm 1890 tại Làng Sen, huyện Nam Đàn, Nghệ An, xuất thân từ gia đình nho phong Lễ giáo. Thân Phụ là cụ ông Nguyễn Sinh Sắc, thân mẫu là cụ bà Hoàng Thị Loan. Lãnh đạo cuộc cách mạng bắt đầu tháng 9 năm 1929, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam chống Pháp, vào tháng 8 năm 1945 thắng lợi, Vua Bảo Đại thoái vị, triều Nguyễn dưới chế độ phong kiến cũ chấm dứt.

Mười bảy xuân sinh độ tuổi thơ

Chí hùng cao ngất có ai ngờ

Khí căn ái quốc lòng băng tuyết

Vượt cả Đại dương đến bến bờ

Tìm học ngoại ngôn tô kế sách

Trau dồi đạo đức đạt thiên thơ

Hồ phong hoán vũ ra cứu nước

Bản đồ sao vàng quyết phát cờ

Chín năm quyết chiến trừ quân Pháp

Một trận thư hùng vệt cỏi bờ

Chấn động âm vang rung thế giới

Điện Biên kết thúc tẩy ô nhơ

Thánh Chúa Việt Nam đã hiện đời (1)

Chủ quyền dân tộc tỏa muôn nơi

Chí công quyết toán vì dân chúng

Minh đạt vô tư đức sáng ngời

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh lập lên nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, xây dựng xã hội Cộng Sản Chủ Nghĩa mới và tiếp tục đấu tranh chống Pháp.

Năm 1954 do hiệp định Giơ-ne-vơ Pháp rút, Việt Nam tạm chia đôi, lấy sông Bến Hải làm ranh giới ngăn cách.

Tại Miền Nam Mỹ dựng lên chế độ bù nhìn Việt Nam Cộng Hòa, được bốn đời đó là:

1. Tổng Thống Ngô Đình Diệm 1954- 1963.

Từ năm 1964 -1967 do nội bộ xáo trộn có Đại tướng Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm và Trung Tướng Nguyễn Khánh lật đổ Dương Văn Minh, Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ hợp tung trung tá Nguyễn Văn Thiệu lật đổ Nguyễn Khánh, lập

ra Ủy Ban Hành Pháp trung ương.

2. Năm 1967 Nguyễn Văn Thiệu làm Tổng Thống đến ngày 21/4/1975.

3. Trần Văn Hương ngày 21/4/1975 - 28/4/1975.

4. Dương Văn Minh ngày 28/4/75- 30/4/1975.

Chế độ bù nhìn hoàn toàn sụp đổ.

Ngô Đình Diệm lên làm Tổng Thống

Được chín năm thế sự đổi dời

Dương Văn Minh tiếp nối chưa vơi

Thì Nguyễn Khánh ra tay lật đổ

Nguyễn Văn Thiệu, may duyên tốt số

Khánh ra đi, Thiệu lại lên ngôi

Được tám năm hành nghiệp nô tồi!

Và chấm dứt bù nhìn Mỹ Quốc.

Thống nhất đất nước từ Bắc chí Nam vào năm 1975, tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Chấp văn tự tổ bày nên gốc ngọn

Vạn muôn năm rạng giống của Tiên Rồng

Hỡi người ơi vốn cháu con Lạc Hồng

Qui truyền thống hiệp hòa đồng ngữ chi.

Tỳ kheo Thích Giác Sự